

CÔNG TY CỔ PHẦN LOGISTICS VICEM

Báo cáo tài chính riêng Quý 3 năm 2020

Ngày 30 tháng 09 năm 2020

CÔNG TY CỔ PHẦN LOGISTICS VICEM

Địa chỉ: Số 296, Đường Trần Nãi, Khu phố 2, Phường Bình An, Quận 2, TP. Hồ Chí Minh

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Bảng cân đối kế toán riêng	1 - 2
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng	3
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng	4
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng	5 - 18

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

Quý 3 năm 2020

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2020

Đơn vị tính: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		305.881.212.106	300.153.399.964
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	4	13.950.087.320	13.032.348.234
111	1. Tiền		13.950.087.320	13.032.348.234
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn		140.654.651.168	120.153.684.971
121	1. Chứng khoán kinh doanh	5.1	20.990.879.270	20.990.879.270
122	2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh (*)		(4.780.295.270)	(4.780.295.270)
123	3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	5.2	124.444.067.168	103.943.100.971
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		150.021.798.543	165.541.719.603
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	6.1	145.006.100.106	163.577.462.218
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6.2	1.538.962.916	691.767.000
136	6. Phải thu ngắn hạn khác	7	5.065.914.872	3.202.975.867
137	7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	6.1	(1.589.179.351)	(1.930.485.482)
140	IV. Hàng tồn kho		1.254.675.075	571.211.602
141	1. Hàng tồn kho	9	1.254.675.075	571.211.602
150	V. Tài sản ngắn hạn khác			854.435.554
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ			854.435.554
200	B - TÀI SẢN DÀI HẠN		108.965.073.456	125.587.623.995
220	II. Tài sản cố định		95.965.073.456	112.587.623.995
221	1. Tài sản cố định hữu hình	8	95.965.073.456	112.587.623.995
222	- Nguyên giá		261.761.626.876	261.714.626.876
223	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)		(165.796.553.420)	(149.127.002.881)
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn	5.3	13.000.000.000	13.000.000.000
251	1. Đầu tư vào công ty con		13.000.000.000	13.000.000.000
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		414.846.285.562	425.741.023.959

CÔNG TY CỔ PHẦN LOGISTICS VICEM

Địa chỉ: Số 296, Đường Trần Nãi, Khu phố 2, Phường Bình An, Quận 2, TP. Hồ Chí Minh

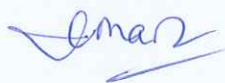
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

Quý 3 năm 2020

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2020

Đơn vị tính: VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
300	C - NỢ PHẢI TRẢ		84.430.958.758	91.291.589.072
310	I. Nợ ngắn hạn		84.430.958.758	91.291.589.072
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	10.	57.176.980.392	76.016.328.562
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	11.	3.693.006.978	2.019.538.371
314	4. Phải trả người lao động		9.278.860.521	9.032.693.936
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	12.	5.882.559.177	575.600.932
319	9. Phải trả ngắn hạn khác	13.	1.122.547.498	1.732.454.677
321	11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	14.	2.379.434.405	
322	12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		4.897.569.787	1.914.972.594
400	D - VỐN CHỦ SỞ HỮU		330.415.326.804	334.449.434.887
410	I. Vốn chủ sở hữu	15.	330.415.326.804	334.449.434.887
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		131.040.000.000	131.040.000.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		131.040.000.000	131.040.000.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		53.070.783.332	53.070.783.332
414	4. Vốn khác của chủ sở hữu		114.060.604.975	114.060.604.975
418	8. Quỹ đầu tư phát triển		9.956.898.580	6.096.869.004
421	11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		22.287.039.917	30.181.177.576
421a	- Lợi nhuận chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		2.103.018.000	1.301.086.685
421b	- Lợi nhuận chưa phân phối năm này		20.184.021.917	28.880.090.891
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		414.846.285.562	425.741.023.959



Võ Thị Ngọc Diễm
Người lập



Trần Thị Lý
Kế toán trưởng



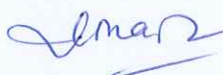
Đỗ Văn Huân
Tổng Giám đốc

Ngày 19 tháng 10 năm 2020

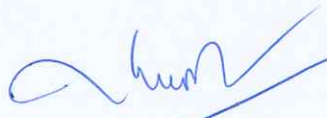
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG
Quý 3 năm 2020

Đơn vị tính: VND

Mã số	Chi tiêu	Thuyết minh	Quý 3		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
01	1. Doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ	16.1	72.945.862.105	67.209.362.144	209.185.264.080	193.719.881.504
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu					
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ		72.945.862.105	67.209.362.144	209.185.264.080	193.719.881.504
11	4. Giá vốn hàng bán		60.807.158.086	54.072.848.541	176.473.394.150	158.110.545.223
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		12.138.704.019	13.136.513.603	32.711.869.930	35.609.336.281
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	16.2	2.012.522.076	1.565.954.713	5.698.795.863	4.515.534.785
22	7. Chi phí tài chính	17.		975.888.000	109.096	(1.572.264.000)
23	- Trong đó: Chi phí lãi vay					
25	8. Chi phí bán hàng					
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	18.	5.141.406.480	4.573.871.945	12.906.390.659	12.397.620.688
30	10. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh		9.009.819.615	9.152.708.371	25.504.166.038	29.299.514.378
31	11. Thu nhập khác	19.	190.735.827	600.000	220.694.260	257.279.920
32	12. Chi phí khác	19.	100.706.025	105.938.330	441.082.902	194.428.882
40	13. Lợi nhuận khác	19.	90.029.802	(105.338.330)	(220.388.642)	62.851.038
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		9.099.849.417	9.047.370.041	25.283.777.396	29.362.365.416
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	21.1	1.835.369.883	1.824.474.008	5.099.755.479	5.915.873.083
52	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại					
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		7.264.479.534	7.222.896.033	20.184.021.917	23.446.492.333
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu					
71	19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu					




Võ Thị Ngọc Diễm
 Người lập



Trần Thị Lý
 Kế toán trưởng




 Đỗ Văn Hoàn
 Tổng Giám đốc

Ngày 19 tháng 10 năm 2020

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG
(Theo phương pháp gián tiếp)
Quý 3 năm 2020

Đơn vị tính: VND

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm nay	Năm trước
01	I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
	1. Lợi nhuận trước thuế		25.283.777.396	29.362.365.416
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT		16.669.550.539	16.970.201.656
03	- Các khoản dự phòng		2.038.128.274	7.090.880.519
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(5.698.795.863)	(4.638.012.058)
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		38.292.660.346	48.785.435.533
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		17.540.627.979	(23.803.368.243)
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		(683.463.473)	491.526.940
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả		(13.201.204.325)	5.414.474.667
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(4.468.626.326)	(5.843.894.914)
17	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(5.510.732.807)	(3.750.184.000)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		31.969.261.394	21.293.989.983
	II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		(47.000.000)	(1.801.936.858)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		144.412.728	122.477.273
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(114.514.041.049)	(132.896.722.890)
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		94.013.074.852	115.000.000.000
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		4.729.417.901	3.807.584.758
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(15.674.135.568)	(15.768.597.717)
	III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
36	6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(15.377.386.740)	-
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(15.377.386.740)	-
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		917.739.086	5.525.392.266
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ		13.032.348.234	12.634.926.071
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	4	13.950.087.320	18.160.318.337

Võ Thị Ngọc Diễm
Người lập

Trần Thị Lý
Kế toán trưởng

Đỗ Văn Huân
Tổng Giám đốc

Ngày 19 tháng 10 năm 2020



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG
Quý 3 năm 2020

1. THÔNG TIN CÔNG TY

Công ty Cổ phần Logistics Vicem ("Công ty") với tiền thân là Công ty Cổ phần Vận tải Hà Tiên được đăng ký thay đổi thông tin theo Giấy Chứng Nhận Đăng Ký Doanh Nghiệp Công Ty Cổ Phần, mã số 0301975289, do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 01 tháng 07 năm 2020.

Hoạt động chính trong kỳ hiện tại của Công ty là kinh doanh dịch vụ vận tải đường thủy, vận tải đường bộ trong và ngoài nước, kinh doanh tổng hợp vật tư, thiết bị, phương tiện vận tải, khai thác bến bãi và bán buôn xi măng.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh với mã chứng khoán là HTV theo Quyết định số 41/UBCK-GPNY do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 7 tháng 12 năm 2005.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại Số 296 Đường Trần Nãi, Khu phố 2, Phường Bình An, Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Cơ cấu tổ chức

Công ty có 1 công ty con như sau:

- Công ty TNHH Đầu tư Phát triển Bất Động sản Trường Thọ Thủ Đức ("TTTĐ")
TTTĐ là một công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh Doanh ("GCNĐKKD") số 0314270335 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 7 tháng 3 năm 2017. Trụ sở chính của TTTĐ tại Lầu 5, Tòa nhà Landmark, Số 5B Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP.HCM, Việt Nam. Hoạt động chính trong kỳ hiện tại của TTTĐ là kinh doanh bất động sản.

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 Các chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính riêng của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính riêng được trình bày kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

Công ty áp dụng chế độ kế toán Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG
Quý 3 năm 2020

2.2 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán áp dụng của Công ty là kế toán trên máy vi tính.

2.3 Đơn vị tiền tệ trong kế toán

Báo cáo tài chính riêng được lập bằng đơn vị tiền tệ trong kế toán của Công ty là VND.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3.2 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính riêng theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc niên độ kế toán năm. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:

- 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
- 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
- 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
- 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.

3.3 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho, chủ yếu là nhiên liệu, vật liệu và công cụ dụng cụ, với giá trị được xác định theo chi phí mua trên cơ sở bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng cho hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với nhiên liệu, vật liệu và công cụ dụng cụ thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào tài khoản giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

3.4 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến. Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG
Quý 3 năm 2020

sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

3.5 Khấu hao tài sản cố định hữu hình

Khấu hao tài sản cố định hữu hình được trích theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa và vật kiến trúc	5 - 10 năm
Phương tiện vận tải đường thủy	10 năm
Thiết bị văn phòng	3 - 6 năm

3.6 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hay dài hạn trên bảng cân đối kế toán và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước của chi phí hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

3.7 Các khoản đầu tư

Đầu tư vào công ty con

Khoản đầu tư vào công ty con mà trong đó Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận mà Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế từ công ty con sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Chứng khoán kinh doanh và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Chứng khoán kinh doanh và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được ghi nhận theo giá mua thực tế.

Dự phòng giảm giá trị các khoản chứng khoán kinh doanh và đầu tư góp vốn

Dự phòng được lập cho việc giảm giá trị của các khoản chứng khoán kinh doanh và các khoản đầu tư góp vốn vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm theo hướng dẫn của Thông tư số 48/2019/TT-BTC ngày 08 tháng 08 năm 2019 do Bộ Tài chính ban hành. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Các khoản suy giảm giá trị của khoản đầu tư nếu phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

3.8 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được mà không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.9 Phân chia lợi nhuận

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Quý 3 năm 2020

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ dự phòng sau đây từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên.

Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.

Quỹ khen thưởng phúc lợi

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên, và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán.

3.10 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với thời điểm chuyển giao hàng hóa.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi dịch vụ đã được cung cấp và hoàn thành.

Tiền cho thuê

Thu nhập từ tiền cho thuê tài sản theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

3.11 Ghi nhận giá vốn

Giá vốn bao gồm các chi phí liên quan đến hoạt động kinh doanh như: chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí khấu hao, chi phí sửa chữa, chi phí nhân công, chi phí thuê ngoài.

3.12 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG
Quý 3 năm 2020

với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính riêng.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài chính khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

CÔNG TY CỔ PHẦN LOGISTICS VICEM

Địa chỉ: Số 296, Đường Trần Náo, Khu phố 2, Phường Bình An, Quận 2, TP. Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Quý 3 năm 2020

VND

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tiền mặt	137.996.047	162.407.747
Tiền gửi ngân hàng	13.812.091.273	12.869.940.487
TỔNG CỘNG	13.950.087.320	13.032.348.234

5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH**5.1 Chứng khoán kinh doanh****Đầu tư vào cổ phiếu Công ty CP Xi Măng Hà Tiên 1**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Giá gốc	20.990.879.270	20.990.879.270
Dự phòng	(4.780.295.270)	(4.780.295.270)
Giá trị hợp lý	16.210.584.000	16.210.584.000

5.2 Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (*)	124.444.067.168	124.444.067.168	103.943.100.971	103.943.100.971

(*) Đây là khoản tiền gửi ngắn hạn tại các ngân hàng thương mại, có thời hạn gốc trên ba tháng.

5.3 Đầu tư góp vốn vào công ty con

Tên công ty	Lĩnh vực hoạt động	Tình trạng hoạt động	Số đầu năm và số cuối kỳ	
			Giá gốc đầu tư (VND)	Sở hữu (%)
Công ty TNHH Đầu tư Phát triển Bất Động sản Trường Thọ Thủ Đức	Đầu tư bất động sản, xây dựng	Đang hoạt động	13.000.000.000	65

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Quý 3 năm 2020

6. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG VÀ TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN		VND	
		<i>Số cuối kỳ</i>	<i>Số đầu năm</i>
6.1 Phải thu ngắn hạn của khách hàng			
Phải thu từ các bên liên quan (Thuyết minh số 22)		86.218.708.860	112.727.213.518
Phải thu từ khách hàng khác		58.787.391.246	50.850.248.700
TỔNG CỘNG		145.006.100.106	163.577.462.218
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(1.589.179.351)	(1.930.485.482)
GIÁ TRỊ THUẦN		143.416.920.755	161.646.976.736
6.2 Trả trước cho người bán ngắn hạn			
		<i>Số cuối kỳ</i>	<i>Số đầu năm</i>
Ông Đỗ Khôi Nguyên		400.000.000	400.000.000
Ông Nguyễn Văn Hình		164.025.000	
Công ty TNHH Giải pháp Công Nghệ DCT		223.977.000	223.977.000
Công ty TNHH May thuê giày An Phước		165.196.000	
Các nhà cung cấp khác		585.764.916	67.790.000
TỔNG CỘNG		1.538.962.916	691.767.000
7 PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC			
		<i>Số cuối kỳ</i>	<i>Số đầu năm</i>
Lãi dự thu		3.095.590.643	2.126.212.681
Phải thu khác		758.906.353	776.763.186
Tạm ứng		521.417.876	
Ký quỹ thực hiện hợp đồng		690.000.000	300.000.000
TỔNG CỘNG		5.065.914.872	3.202.975.867

CÔNG TY CỔ PHẦN LOGISTICS VICEM

Địa chỉ: Số 296, Đường Trần Nãi, Khu phố 2, Phường Bình An, Quận 2, TP. Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG
Quý 3 năm 2020

8. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	VND			
	Nhà cửa và vật kiến trúc	Phương tiện vận tải đường thủy	Thiết bị văn phòng	Tổng cộng
Nguyên giá:				
Số đầu năm	2.203.932.585	255.660.226.380	3.850.467.911	261.714.626.876
Mua trong kỳ			47.000.000	47.000.000
Đầu tư XDCB hoàn thành				-
Tăng khác				-
Thanh lý				-
Số cuối kỳ	<u>2.203.932.585</u>	<u>255.660.226.380</u>	<u>3.897.467.911</u>	<u>261.761.626.876</u>
Trong đó:				
Đã khấu hao hết	1.900.220.043	39.504.047.729	709.607.911	42.113.875.683
Giá trị hao mòn lũy kế:				
Số đầu năm	(2.051.706.600)	(144.993.886.982)	(2.081.409.299)	(149.127.002.881)
Khấu hao trong kỳ	(45.667.791)	(16.233.960.834)	(389.921.914)	(16.669.550.539)
Tăng khác				-
Thanh lý				-
Số cuối kỳ	<u>(2.097.374.391)</u>	<u>(161.227.847.816)</u>	<u>(2.471.331.213)</u>	<u>(165.796.553.420)</u>
Giá trị còn lại:				
Số đầu năm	<u>152.225.985</u>	<u>110.666.339.398</u>	<u>1.769.058.612</u>	<u>112.587.623.995</u>
Số cuối kỳ	<u>106.558.194</u>	<u>94.432.378.564</u>	<u>1.426.136.698</u>	<u>95.965.073.456</u>

9. HÀNG TỒN KHO

	VND	
	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Hàng mua đang đi đường	44.090.931	
Nhiên liệu và vật liệu	887.308.094	412.606.500
Công cụ, dụng cụ	43.943.283	4.045.102
Hàng gửi đi bán	279.332.767	154.560.000
TỔNG CỘNG	<u>1.254.675.075</u>	<u>571.211.602</u>

10. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	VND	
	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải trả cho người bán	55.777.583.756	75.555.020.735
- Doanh nghiệp Tư nhân Trung Tài	29.240.338.840	39.432.944.115
- Công ty TNHH MTV TM Hân Tiến	6.264.491.069	7.018.744.915
- Phải trả đối tượng khác	20.272.753.847	29.103.331.705
Phải trả cho các bên liên quan (Thuyết minh số 22)	1.399.396.636	461.307.827
TỔNG CỘNG	<u>57.176.980.392</u>	<u>76.016.328.562</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG
Quý 3 năm 2020

11. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	VND	
	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Thuế GTGT	704.821.633	
Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.449.755.479	1.818.626.326
Thuế thu nhập cá nhân	51.666.634	200.912.045
Tiền thuê đất, thuế đất	486.763.232	
TỔNG CỘNG	3.693.006.978	2.019.538.371

12. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	VND	
	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Chi phí thuê ngoài	5.002.570.959	490.600.932
Chi phí khác	879.988.218	85.000.000
TỔNG CỘNG	5.882.559.177	575.600.932

13. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	VND	
	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Kinh phí công đoàn	83.330.689	826.688
Cổ tức phải trả	351.099.545	3.686.285
Các khoản phải trả, phải nộp khác	142.117.264	1.181.941.704
Nhận ký quỹ, ký cược	546.000.000	546.000.000
TỔNG CỘNG	1.122.547.498	1.732.454.677

14. DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	VND	
	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Chi phí sửa chữa	2.379.434.405	-
TỔNG CỘNG	2.379.434.405	-

CÔNG TY CỔ PHẦN LOGISTICS VICEM

Địa chỉ: Số 296, Đường Trần Náo, Khu phố 2, Phường Bình An, Quận 2, TP. Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Quý 3 năm 2020

	Vốn cổ phần	Thặng dư vốn cổ phần	Quý đầu tư phát triển	Quý khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
15. VỐN CHỦ SỞ HỮU						
15.1 <i>Tình hình tăng, giảm nguồn vốn chủ sở hữu</i>						VND
9 tháng đầu năm 2019						
Số đầu năm	131.040.000.000	53.070.783.332		117.000.238.488	29.768.140.405	330.879.162.225
Lợi nhuận thuần trong kỳ					23.446.492.333	23.446.492.333
Cổ tức công bố					(19.656.000.000)	(19.656.000.000)
Trích lập quỹ đầu tư phát triển				3.157.235.491	(3.157.235.491)	-
Trích lập quỹ khen thưởng và phúc lợi					(5.653.818.229)	(5.653.818.229)
Tăng/giảm khác			114.060.604.975	(114.060.604.975)		
Số cuối kỳ	131.040.000.000	53.070.783.332	114.060.604.975	6.096.869.004	24.747.579.018	329.015.836.329
9 tháng đầu năm 2020						
Số đầu năm	131.040.000.000	53.070.783.332	6.096.869.004	114.060.604.975	30.181.177.576	334.449.434.887
Lợi nhuận thuần trong kỳ					20.184.021.917	20.184.021.917
Cổ tức công bố					(15.724.800.000)	(15.724.800.000)
Trích lập quỹ đầu tư phát triển			3.860.029.576		(3.860.029.576)	-
Trích lập quỹ khen thưởng và phúc lợi					(8.493.330.000)	(8.493.330.000)
Số cuối kỳ	131.040.000.000	53.070.783.332	9.956.898.580	114.060.604.975	22.287.039.917	330.415.326.804

CÔNG TY CỔ PHẦN LOGISTICS VICEM

Địa chỉ: Số 296, Đường Trần Nãi, Khu phố 2, Phường Bình An, Quận 2, TP. Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Quý 3 năm 2020

15.2 Cổ phiếu

	Số lượng cổ phiếu	
	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Cổ phiếu phổ thông được phép phát hành	13.104.000	13.104.000
Cổ phiếu phổ thông đã được phát hành và góp vốn đầy đủ	13.104.000	13.104.000
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	13.104.000	13.104.000

15.3 Cổ tức

	VND	
	Kỳ này	Kỳ trước
Cổ tức trên cổ phiếu phổ thông đã công bố		
Cổ tức đã công bố trong kỳ	15.724.800.000	19.656.000.000
Cổ tức đã trả bằng tiền		-

16. DOANH THU**16.1 Doanh thu thuần từ bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ**

	VND	
	Kỳ này	Kỳ trước
Doanh thu vận tải đường thủy nội địa	58.817.211.131	61.235.876.358
Doanh thu vận tải đường biển	6.368.466.223	
Doanh thu vận tải đường bộ	3.996.631.985	1.767.347.000
Doanh thu bốc dỡ	1.211.989.170	1.167.359.195
Doanh thu cho thuê kho	600.000.000	600.000.000
Doanh thu bán vật liệu xây dựng	1.951.563.596	2.438.779.591
TỔNG CỘNG	72.945.862.105	67.209.362.144
Trong đó:		
Doanh thu đối với bên khác	32.079.580.742	29.561.247.926
Doanh thu đối với bên liên quan (Thuyết minh số 23)	40.866.281.363	37.648.114.218

16.2 Doanh thu hoạt động tài chính

	VND	
	Kỳ này	Kỳ trước
Lãi tiền gửi	2.012.522.076	1.565.954.713
TỔNG CỘNG	2.012.522.076	1.565.954.713

17. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	VND	
	Kỳ này	Kỳ trước
Hoàn nhập dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh		975.888.000
TỔNG CỘNG	-	975.888.000

18. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	VND	
	Kỳ này	Kỳ trước
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.525.379.850	825.731.903
Chi phí nhân viên	1.740.942.597	2.269.540.728

CÔNG TY CỔ PHẦN LOGISTICS VICEM

Địa chỉ: Số 296, Đường Trần Nãi, Khu phố 2, Phường Bình An, Quận 2, TP. Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG
Quý 3 năm 2020

Chi phí khấu hao tài sản	145.294.836	145.451.149
Chi phí khác	1.729.789.197	1.333.148.165
TỔNG CỘNG	5.141.406.480	4.573.871.945
19. THU NHẬP KHÁC VÀ CHI PHÍ KHÁC		
		VND
	Kỳ này	Kỳ trước
Thu nhập khác	190.735.827	600.000
Phạt vi phạm hợp đồng		
Thanh lý tài sản	144.412.728	
Thu nhập khác	46.323.099	600.000
Chi phí khác	100.706.025	105.938.330
Chi phí vi phạm hợp đồng	100.692.023	76.791.812
Chi phí khác	14.002	29.146.518
GIÁ TRỊ THUẦN	90.029.802	(105.338.330)
20. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH THEO YẾU TỐ		
		VND
	Kỳ này	Kỳ trước
Chi phí dịch vụ mua ngoài	39.857.127.611	35.858.372.412
Chi phí nhân viên	11.752.498.057	9.700.342.734
Chi phí nhiên liệu và vật liệu	4.600.238.031	6.194.846.705
Chi phí khấu hao tài sản	5.556.615.114	5.556.771.427
Chi phí khác	4.182.085.753	1.336.387.208
TỔNG CỘNG	65.948.564.566	58.646.720.486
21. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP		
Trong kỳ, Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") bằng 20% lợi nhuận chịu thuế.		
Chi phí thuế TNDN		
		VND
	Kỳ này	Kỳ trước
Chi phí thuế TNDN hiện hành	1.835.369.883	1.824.474.008
TỔNG CỘNG	1.835.369.883	1.824.474.008

CÔNG TY CỔ PHẦN LOGISTICS VICEM

Địa chỉ: Số 296, Đường Trần Nỗ, Khu phố 2, Phường Bình An, Quận 2, TP. Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Quý 3 năm 2020

22. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Các giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong kỳ bao gồm:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Kỳ này</i>	<i>Kỳ trước</i>
Công ty Cổ phần Xi măng Hà Tiên 1	Bên liên quan	Cung cấp dịch vụ vận chuyển	35.414.803.639	34.697.772.220
Công ty TNHH Siam City cement Việt Nam	Bên liên quan	Cung cấp dịch vụ vận chuyển	1.950.343.954	2.452.796.960
Công ty CP Xi măng Hạ Long	Bên liên quan	Cung cấp dịch vụ vận chuyển	3.501.133.770	497.545.038

Tiền lương Tổng Giám đốc, Trưởng ban kiểm soát, thù lao của các thành viên Hội đồng Quản trị và thành viên Ban Kiểm soát như sau:

	<i>Kỳ này</i>	<i>Kỳ trước</i>
Hội đồng Quản trị	66.000.000	66.000.000
Tổng Giám đốc	174.000.000	174.000.000
Ban Kiểm soát	18.000.000	18.000.000
	258.000.000	258.000.000

Các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan vào ngày kết thúc kỳ kế toán quý được trình bày như sau:

Phải thu ngắn hạn của khách hàng (Thuyết minh 6.1)

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Số cuối kỳ</i>	<i>Số đầu năm</i>
Công ty Cổ phần Xi măng Hà Tiên 1	Công ty cùng Tổng Công ty	Cung cấp dịch vụ vận chuyển	79.373.181.274	108.782.187.380
Công ty TNHH Siam City Cement Việt Nam	Công ty cùng Tổng Công ty	Cung cấp dịch vụ vận chuyển	2.287.721.692	3.293.895.044
Công ty TNHH Xi măng Siam City Nhơn Trạch	Công ty cùng Tổng Công ty	Cung cấp dịch vụ vận chuyển		103.831.552
Công ty CP Xi măng Hạ Long	Công ty cùng Tổng Công ty	Cung cấp dịch vụ vận chuyển	4.557.805.894	547.299.542

Phải trả ngắn hạn khác (Thuyết minh số 10, số 13)

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Số cuối kỳ</i>	<i>Số đầu năm</i>
Tổng Công ty Xi măng Việt Nam	Công ty mẹ	Phí quản lý, tư vấn	409.396.636	461.307.827
Công ty CP Năng lượng và môi trường VICEM	Công ty cùng Tổng Công ty	Phí dịch vụ	990.000.000	
			1.399.396.636	461.307.827

CÔNG TY CỔ PHẦN LOGISTICS VICEM

Địa chỉ: Số 296, Đường Trần Nãi, Khu phố 2, Phường Bình An, Quận 2, TP. Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG
Quý 3 năm 2020

23. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

Công ty hiện đang thuê đất theo hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày 30 tháng 09 năm 2020, các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	Số cuối kỳ	VND Số đầu năm
Đến 1 năm	759.381.616	
Từ 1 đến 5 năm	-	
TỔNG CỘNG	759.381.616	-

Võ Thị Ngọc Diễm
Người lập

Trần Thị Lý
Kế toán trưởng



Đỗ Văn Hoàn
Tổng Giám đốc

Ngày 19 tháng 10 năm 2020

